

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 – 03– 2021.

*Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Ông Đào Văn Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 240/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm A**, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông **Nguyễn B**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 8 năm 2020 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Phạm A trình bày: Vào năm 1999, bà A với ông Nguyễn B tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, bà A và ông B đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện V và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 162/2011 ngày 19 tháng 8 năm 2011.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn, bà với ông B sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông B không chăm lo cuộc sống gia đình. Đến tháng 08 năm 2020, bà A với ông B sống ly thân, sau khi ly thân bà A với ông B không hàn gắn tình cảm vợ chồng, mỗi lần ông B đến gặp bà A thì ông B hăm dọa và dùng lời nói xúc phạm bà A nếu bà A ly hôn với ông B. Do cuộc sống chung không hạnh phúc và tình cảm không còn nên bà A yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà A và ông B có hai người con chung là cháu Nguyễn H, sinh ngày 23/3/2000 và cháu Nguyễn M sinh ngày 09/7/2011, hiện nay cháu H đã trưởng và đã có gia đình, còn cháu M hiện sống với bà A.

Về tài sản chung: Bà A với ông B có căn nhà xây dựng trên đất của cha mẹ ông B, khi ly hôn bà A để lại tài sản này cho ông B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn B trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 12 năm 2020: Ông B thống nhất lời trình bày của bà A về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung

Về hôn nhân: Ông B đồng ý ly hôn với bà Tuyến.

Về con chung: Cháu H đã trưởng và đã có gia đình, còn cháu M hiện sống với bà A. Ông B đồng ý giao cháu M cho bà A chăm sóc, nuôi dưỡng; ông B không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông B, xử cho bà A được ly hôn với ông B; về con chung, cháu Nguyễn H sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết, giao cháu Nguyễn M sinh ngày 09/7/2011 cho bà A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà A không yêu cầu. Về tài sản chung, bà A và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết; về nợ chung, bà A và ông B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Chị A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Phạm A nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn B. Khi khởi kiện ông B có địa chỉ tại ấp C, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, bà Phạm A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà A, ông B theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Phạm A và ông Nguyễn B tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 162/2011 ngày 19 tháng 8 năm 2011 nên hôn nhân giữa bà A với ông B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Bà A và ông B đều xác định trong thời gian chung sống, giữa bà A với ông B có phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân vào tháng 8 năm 2020, sau khi ly thân bà A và ông B không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà A với ông B đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được, bà A yêu cầu ly hôn với ông B và ông B cũng đồng ý. Do đó, bà A yêu cầu được ly hôn với ông B là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn bà A đối với ông B, xử cho bà A được ly hôn với ông B.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, bà A và ông B có hai người con chung là cháu Nguyễn H, sinh ngày 23/3/2000 và cháu Nguyễn M sinh ngày 09/7/2011. Do cháu H đã trưởng thành, bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà A yêu cầu tiếp tục nuôi cháu M. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu M ngày 14/01/2021, thể hiện cháu M có nguyện vọng sống chung với bà A và hiện đang sống chung với bà A. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu M cho bà A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Bà A và ông B thống nhất xác định quá trình chung sống có tạo lập được 01 căn nhà tọa lạc ấp C, thị trấn H, huyện L, tỉnh Bạc Liêu. Tài sản này, bà A và ông B đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà A và ông B đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình bà A phải chịu 300.000 đồng, bà A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0008413 ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được chuyển thu án phí.

[10] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm A đối với ông Nguyễn B. Xử cho bà Phạm A được ly hôn với ông Nguyễn B.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn H, sinh ngày 23/3/2000 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Giao cháu Nguyễn M sinh ngày 09/7/2011 cho bà Phạm A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy và giáo dục; (cháu Nguyễn M đang sống chung với bà Phạm A).

Ông Nguyễn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm A không yêu cầu ông Nguyễn B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Bà Phạm A và ông Nguyễn B thống nhất tự thỏa thuận và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Phạm A và ông Nguyễn B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

6. Án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình, bà Phạm A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Phạm A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0008413 ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được chuyển thu án phí.

7. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện V (1b);
- Chi Cục THADS huyện V (1b);
- UBND thị trấn C, huyện V (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ (1b); VP (3b).

Ngô Trang Thảo